

UBND PHƯỜNG MÓNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MÓNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 17 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 840 trẻ (Trung tâm: 404; Hải Đông: 381 trẻ)

Tiền ăn: 23.240đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					14.299.500		7.290.500		7.009.000
1	Hạt senn khô	200.000	Kg	0.2	40.000	0,1	20.000	0,1	20.000
2	Rau mùi	85.000	Kg	1.4	119.000	0,7	59.500	0,7	59.500
3	Hành khô	60.000	Kg	0.9	54.000	0,5	30.000	0,4	24.000
4	Tim lợn	370.000	Kg	1.2	444.000	0,5	185.000	0,7	259.000
5	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	1	50.000	0,5	25.000	0,5	25.000
6	Tôm nõn	220.000	Kg	11.5	2.530.000	6	1.320.000	5,5	1.210.000
7	Hành lá	45.000	Kg	1.5	67.500	0,8	36.000	0,7	31.500
8	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	42	5.460.000	21,5	2.795.000	20,5	2.665.000
9	Xương lợn	85.000	Kg	17	1.445.000	8,5	722.500	8,5	722.500
10	Bí đỏ	30.000	Kg	23	690.000	12	360.000	11	330.000
11	Ruột ngó biển	330.000	Kg	3.5	1.155.000	1,8	594.000	1,7	561.000
12	Cải thảo	30.000	Kg	10.5	315.000	5,5	165.000	5	150.000
13	Mỡ lợn sống	50.000	Kg	4	200.000	2	100.000	2	100.000
14	Bánh đa gạo	45.000	Kg	14	630.000	7,3	328.500	6,7	301.500
15	Thịt ghẹ bóc nõn	550.000	Kg	2	1.100.000	1	550.000	1	550.000
Nhóm xuất kho					4.165.000		2.212.500		1.952.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	62.5	1.250.000	32	640.000	30,5	610.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1	15.000	0,5	7.500	0,5	7.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	5	300.000	2,5	150.000	2,5	150.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	11	2.530.000	6	1.380.000	5	1.150.000
Tổng chi					18.464.500		9.503.000		8.961.500
Tổng thu					18.463.200		9.502.080		8.961.120
Tồn ngày hôm trước					3.760		920		2.840
Thừa (Thiếu)					2.460		0		2.460

785 23.520
404
381

tổng	HY	HĐ	-380
(1.300)	(920)		